

**QUỐC HỘI****THÔNG CÁO**

**của Hội đồng bầu cử miền Bắc.**

Hội đồng bầu cử miền Bắc được thành lập theo nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội, đã họp phiên toàn thể lần thứ nhất tại Hà-nội ngày 11 tháng 3 năm 1976.

Tham dự phiên họp này có đại diện của Hội đồng Chính phủ.

Hội đồng bầu cử đã nghe báo cáo về kết quả của kỳ họp thứ nhất của Hội đồng bầu cử toàn quốc. Hội đồng bầu cử đã nghe báo cáo về những việc mà các ngành có trách nhiệm đã làm để chuẩn bị cho cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội ở miền Bắc.

Hội đồng bầu cử đã thảo luận và thông qua chương trình hoạt động của Hội đồng.

Hội đồng đã cử Chủ tịch, Phó chủ tịch, Thư ký và bộ phận thường trực của Hội đồng như sau :

- Chủ tịch : đồng chí Hoàng Văn Hoan;
- Phó chủ tịch : đồng chí Xuân-Thủy,  
đồng chí Nguyễn Xiển,  
đồng chí Trần Đăng Khoa ;
- Thư ký : đồng chí Trần Đình Tri.
- Bộ phận thường trực của Hội đồng do Chủ tịch, các Phó chủ tịch và Thư ký phụ trách.

**HỘI ĐỒNG BẦU CỬ MIỀN BẮC**

**NGHỊ QUYẾT** của Ủy ban thường vụ Quốc hội số 114-NQ/QH/K5 ngày 16-3-1976 về việc bổ sung thêm một đại biểu Quốc hội được bầu ở miền Bắc.

**ỦY BAN THƯỜNG VỤ QUỐC HỘI  
NƯỚC VIỆT-NAM DÂN CHỦ CỘNG HÒA**

*Căn cứ vào các văn kiện của Hội nghị hiệp thương chính trị thống nhất Tổ quốc đã được Quốc hội nước Việt-nam dân chủ cộng hòa và*

*Hội nghị đại biểu nhân dân miền Nam Việt-nam phê chuẩn ;*

*Theo đề nghị của Hội đồng bầu cử miền Bắc được Hội đồng bầu cử toàn quốc đồng ý,*

**QUYẾT NGHỊ**

**Điều 1.** — Số đại biểu Quốc hội được bầu ở miền Bắc trong cuộc tổng tuyển cử bầu Quốc hội chung của cả nước theo nghị quyết số 99-NQ/QH/K5 ngày 23-2-1976 là 248, nay bổ sung thêm 1 đại biểu, tổng cộng là 249.

**Điều 2.** — Đại biểu bổ sung này được phân bố cho thành phố Hà-nội, khu vực bầu cử 3. Thành phố Hà-nội nay được bầu 22 đại biểu.

*Hà-nội, ngày 16 tháng 3 năm 1976*

Ủy ban thường vụ Quốc hội  
nước Việt-nam dân chủ cộng hòa

*Chủ tịch*

**TRƯỜNG-CHINH**

**HỘI ĐỒNG CHÍNH PHỦ**

**NGHỊ ĐỊNH** số 45-CP ngày 13-3-1976\* về việc sửa đổi, bổ sung một số điểm về chính sách đối với thương binh và gia đình liệt sĩ.

**HỘI ĐỒNG CHÍNH PHỦ**

*Để đáp ứng với yêu cầu của tình hình, nhiệm vụ mới ;*

*Theo đề nghị của ông Bộ trưởng Bộ Thương binh và xã hội,*

**NGHỊ ĐỊNH**

**Điều 1.** — Nay sửa đổi và viết lại điều 2 của bản Điều lệ ưu đãi gia đình liệt sĩ ban hành kèm theo nghị định số 980-TTg ngày 27-7-1956(1) như sau :

(1) In trong Công báo 1956 — Số 29, trang 267



**Điều 2. (mới)** — « Gia đình liệt sĩ gồm những thân nhân của liệt sĩ như sau : vợ hoặc chồng, con, cha, mẹ hoặc người đã thực sự có công nuôi liệt sĩ từ nhỏ đến lớn, hoặc có công lao đặc biệt trong việc nuôi liệt sĩ khi còn nhỏ. Trường hợp cha, mẹ liệt sĩ và người có công nuôi liệt sĩ đều còn sống, thì hoặc một bên hưởng quyền lợi của gia đình liệt sĩ, hoặc cả hai bên hưởng chung quyền lợi của gia đình liệt sĩ. Giải quyết theo hướng nào là do hai bên bàn bạc thỏa thuận và đề nghị cơ quan có thẩm quyền của Nhà nước quyết định trên nguyên tắc đoàn kết trong gia đình và giúp đỡ người thiếu thốn ».

**Điều 2.** — Nay sửa đổi điều 9 (đoạn mở đầu) và điều 50 của bản Điều lệ tạm thời về các chế độ đãi ngộ quân nhân trong khi ốm đau, bị thương, mất sức lao động, về hưu, hoặc chết... ban hành kèm theo nghị định số 161-CP ngày 30-10-1964<sup>(1)</sup> của Hội đồng Chính phủ như sau :

a) Sửa đổi và viết lại điều 9 (đoạn mở đầu) như sau :

**Điều 9. (mới)** — « Sau khi đã chữa lành vết thương, thương binh được xếp hạng thương tật tạm thời hoặc vĩnh viễn và kể từ ngày nhận công tác hoặc phục viên về địa phương, được hưởng trợ cấp thương tật như sau..... »

Các khoản tiếp theo của điều 9 không thay đổi.

b) Sửa đổi và viết lại điều 50 như sau :

**Điều 50. (mới)** — « Thân nhân được hưởng trợ cấp nói ở điều 49 là vợ hoặc chồng, con, cha, mẹ hoặc người đã có công nuôi quân nhân từ nhỏ đến lớn hoặc có công lao đặc biệt trong việc nuôi quân nhân đó. »

**Điều 3.** — Quy định nói ở đoạn đầu của điều 9 (mới) trong điều 2 nói trên cũng áp dụng đối với những người bị thương được hưởng chính sách như thương binh.

**Điều 4.** — Những quy định sửa đổi, bổ sung trong nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ban hành.

**Điều 5.** — Các ông Bộ trưởng các Bộ Thương binh và xã hội, Quốc phòng, Tài chính chịu trách nhiệm thi hành nghị định này.

Hà-nội, ngày 13 tháng 3 năm 1976

T.M. Hội đồng Chính phủ

K.T. Thủ tướng Chính phủ

Phó thủ tướng

NGUYỄN DUY TRINH

## **QUYẾT ĐỊNH số 60-CP ngày 5-4-1976 về việc bổ sung một số điểm về chính sách đối với liệt sĩ và gia đình liệt sĩ.**

Trong giai đoạn mới của cách mạng, đề thể hiện đầy đủ hơn nữa sự quan tâm chăm sóc của Đảng và Chính phủ đối với liệt sĩ và gia đình liệt sĩ, Hội đồng Chính phủ quyết định như sau.

### **I. XÂY DỰNG NGHĨA TRANG, ĐÀI KỶ NIỆM, BIA GHI CÔNG LIỆT SĨ**

Xây dựng nghĩa trang, đài kỷ niệm, bia ghi công liệt sĩ là đề ghi lại lâu dài công lao to lớn của liệt sĩ, cổ vũ tinh thần yêu nước, phát huy truyền thống đấu tranh kiên cường, dũng cảm, bất khuất của quân và dân ta trong sự nghiệp cách mạng của dân tộc.

#### **1. Nghĩa trang liệt sĩ.**

Liệt sĩ hy sinh ở địa phương nào, thì chính quyền, đoàn thể và nhân dân ở địa phương đó có trách nhiệm giữ gìn phần mộ, cất bốc và quy tập vào các nghĩa trang liệt sĩ đã sẵn có ; nơi chưa có thì xây dựng thành nghĩa trang liệt sĩ mới của xã, huyện, hoặc tỉnh, thành phố.

Nghĩa trang liệt sĩ phải đặt ở những nơi có ý nghĩa tiêu biểu, có phong cảnh đẹp, cao ráo, thuận tiện cho việc đi lại thăm viếng, phù hợp với quy hoạch xây dựng và phát triển kinh tế của địa phương. Phải hết sức tránh lấy ruộng đất canh tác nhất là những nơi màu mỡ để xây dựng nghĩa trang liệt sĩ.

Các nghĩa trang liệt sĩ phải được xây dựng trang nghiêm, đẹp, có phong cách dân tộc, đó là những công trình văn hóa, những di tích lịch sử tiêu biểu cho truyền thống đấu tranh bất khuất của dân tộc.

Những nghĩa trang liệt sĩ chưa đạt yêu cầu nói trên cần phải được dần dần tu sửa lại.

#### **2. Đài kỷ niệm liệt sĩ.**

Đài kỷ niệm liệt sĩ được xây dựng ở những nơi là trung tâm chính trị, văn hóa của cả nước, của từng tỉnh, thành phố và ở những nơi đã xảy ra sự kiện lịch sử đặc biệt mà có một số liệt sĩ đã hy sinh.

(1) In trong Công báo 1964 — Số 39, trang 731.